

Mạo Khê, ngày 01 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	04	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	2	
8	Bình quân học sinh/lớp	41 HS/lớp	
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11340.4	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	7030	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	480	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	198	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	50	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác: phòng Đoàn - Đội, phòng truyền thống (m ²)	20	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	8	
1.1	Khối lớp 6	2	
1.2	Khối lớp 7	2	
1.3	Khối lớp 8	2	
1.4	Khối lớp 9	2	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	43	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	12	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Máy tính bảng	10	
6	Máy in	05	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1		30
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Phú